

# Vista View Middle School (Trường Trung học Cơ sở Vista View)

## Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



### Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

#### Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

#### Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)</b>	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ <a href="https://admission.universityofcalifornia.edu/">https://admission.universityofcalifornia.edu/</a> .
<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)</b>	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ <a href="https://www2.calstate.edu/">https://www2.calstate.edu/</a> .

### Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

<b>Tên Trường học</b>	Vista View Middle School (Trường Trung học Cơ sở Vista View)
<b>Đường phố</b>	16250 Hickory Street
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính</b>	Fountain Valley, CA 92708
<b>Số điện thoại</b>	(714) 842-0626
<b>Hiệu Trường</b>	Manny Quezada
<b>Địa chỉ email</b>	mquezada@ovsd.org
<b>Trang web của Trường</b>	vista.ovsd.org
<b>Phạm vi cấp lớp</b>	6-8
<b>Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (SBO)</b>	30-66613-6068613

### Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

<b>Tên Khu học chánh</b>	Ocean View School District (Học Khu Ocean View)
<b>Số điện thoại</b>	(714) 847-2551
<b>Giám Đốc Khu Học Chánh</b>	Dr. Julianne Hoefler
<b>Địa chỉ email</b>	jhoefler@ovsd.org
<b>Trang web của Khu học chánh</b>	www.ovsd.org

### Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Vista View là trường học của 721 học sinh lớp 6 – 8. Nhà trường áp dụng khuôn khổ can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS). Ở Vista View, các chú Chim ưng S.O.A.R (Bay lên). Trọng tâm của chương trình giáo dục của nhà trường là cam kết làm gương, giảng dạy và trân quý các giá trị S.O.A.R:

- Safety first (An toàn là trên hết)
- On time, On task, Organized (Đúng giờ, đúng việc, có tổ chức)
- Academic Excellence (Học tập xuất sắc)
- Respectful and Responsible (Tôn trọng và trách nhiệm)

Chúng tôi dạy những giá trị này trong một môi trường mang tính cộng đồng, nơi học sinh cảm thấy an toàn, thoải mái và được chấp nhận. Học sinh được trân trọng vì chính bản thân các em, được học cách làm việc với những người khác, được thúc đẩy để đạt được các cột mốc

## Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

học tập và xã hội. Đội ngũ nhân viên tin rằng mọi học sinh đều có thể đạt được thành công học tập. Văn hóa nhà trường tôn vinh các thành công của học sinh.

Thông tin về Nhà trường & Học khu

Vista View Middle School nằm ở khu vực phía tây của Fountain Valley và phục vụ học sinh từ lớp sáu đến hết lớp tám theo niên khóa thông thường. Ocean View School District (Học Khu Ocean View) nằm ở phía tây Quận Orange và phục vụ hơn 7.000 học sinh từ mầm non đến hết lớp tám. Ocean View School District (Học Khu Ocean View) tận lực cho nền giáo dục xuất sắc và phát triển học thuật không ngừng của mọi học sinh.

## Giới thiệu Trường

### Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 6	224
Lớp 7	213
Lớp 8	223
Tổng tuyển sinh	660

### Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	51.8
Nam	48
Phi nhị giới	0.2
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.2
Người gốc Á	24.8
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.6
Người gốc Philippines	0.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	60.2
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.3
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	3.5
Người Da Trắng	9.5
Người Học Tiếng Anh	29.8
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.5
Học sinh vô gia cư	14.7
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	81.4
Học sinh khuyết tật	16.1

## A. Điều kiện học tập

### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	14.50	59.78	268.50	83.10	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	1.00	0.31	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	5.50	1.70	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	4.20	17.38	16.70	5.18	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	5.50	22.76	31.30	9.70	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>24.30</b>	<b>100.00</b>	<b>323.00</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	19.30	77.91	285.90	87.86	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	2.30	9.38	12.10	3.74	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.30	1.57	2.00	0.61	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	2.70	11.11	25.30	7.78	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>24.80</b>	<b>100.00</b>	<b>325.40</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	19.10	73.58	257.60	84.31	231142.40	100.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.80	0.27	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	1.00	3.85	8.40	2.76	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.10	4.46	8.90	2.92	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	4.60	18.04	29.70	9.73	14303.80	5.15
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>26.00</b>	<b>100.00</b>	<b>305.60</b>	<b>100.00</b>	<b>277698</b>	<b>100</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.00	0
Phân công sai	0.00	2.30	1
Vị trí trống	0.00	0.00	0
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai</b>	<b>0.00</b>	<b>2.30</b>	<b>1</b>

## Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	4.20	0.30	1.1
<b>Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực</b>	<b>4.20</b>	<b>0.30</b>	<b>1.1</b>

## Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Phân công sai cho Người học tiếng Anh</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0.00	10.1	4.4
<b>Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0.00	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

## Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

Mọi sách giáo khoa dùng trong chương trình giảng dạy cốt lõi đều phù hợp với Khuôn khổ và Tiêu chuẩn Nội dung của California theo quy trình áp dụng do tiểu bang vạch ra. Khi Sở Giáo dục Tiểu bang áp dụng tài liệu giảng dạy đạt chuẩn, Học khu sẽ thử nghiệm các tài liệu này trong môi trường giảng dạy thật rồi áp dụng theo Chính sách của Sở. Mỗi trường đều có đủ tài liệu để hỗ trợ giảng dạy cốt lõi. Nhà trường tuân thủ chu trình áp dụng, mọi học sinh đều có thể tiếp cận các tài liệu mới được áp dụng. Tất cả các trường dùng tài liệu được áp dụng và tài nguyên hỗ trợ tùy theo từng cơ sở nhà trường.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập

10/2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	McGraw-Hill Study Sync Năm áp dụng 2017	Có	0
Toán	Houghton Mifflin Harcourt Big Ideas Math Năm áp dụng 2015  McGraw-Hill Glencoe Math: Algebra 1/Geometry Năm áp dụng 2015	Có	0
Khoa Học	McGraw-Hill California Inspire Science Năm áp dụng 2021	Có	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	Savvas myWorld Interactive Năm áp dụng 2019	Có	0
Ngoại ngữ	Pearson Prentice Hall Realidades – Level I Năm áp dụng 2007	Có	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Vào tháng Mười Một năm 2016, Ocean View School District (OVSD) (Học Khu Ocean View) thông qua Công phiếu R, công khó nghĩa vụ chung, trị giá 169 triệu đô la. Đây là công phiếu đầu tiên được thông qua trong lịch sử 143 năm của OVSD. Chương trình công phiếu được thiết kế để biến chuyển nhóm trường cũ kỹ của thập niên 1960/1970 thành môi trường học tập hiện đại. Công tác xây dựng đã bắt đầu từ tháng Sáu năm 2018, dự kiến hoàn thành vào năm học 2024. Trong năm học 2021 – 2022, học sinh Vista View học ở Địa điểm Tạm thời rồi chuyển sang khu trường sở đã được cải tạo hiện đại vào tháng Chín năm 2022.

Học khu áp dụng phương pháp tiếp cận hệ thống để duy trì cơ sở vật chất hiện tại nhằm đảm bảo mọi trường học đều sạch sẽ, an toàn, đồng thời mang đến môi trường học tập truyền cảm hứng cho các em học sinh học tập, phát triển và được thử thách. Nhân viên giám hộ tại trường và nhân viên bảo trì của học khu hợp tác để đảm bảo công tác sửa chữa và hạng mục vận hành cần thiết kịp thời để giữ cho trường học trong tình trạng tốt. Hệ thống yêu cầu sửa chữa toàn diện được nhân viên nhà trường và Học Khu áp dụng để trao đổi cả yêu cầu bảo trì thường quy và không thường quy. Sửa chữa khẩn cấp có mức độ ưu tiên cao nhất.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Từ góc độ vận hành, nhân viên giám hộ kiểm tra cơ sở vật chất để phát hiện các mối nguy hiểm về an toàn và các tình trạng khác cần chú ý trước khi học sinh và nhân viên đến trường. Một nhân viên giám hộ ca ngày toàn thời gian và 1 hoặc 2 nhân viên giám hộ ca đêm bán thời gian được chỉ định cho cơ sở nhà trường. Nhân viên giám hộ ban ngày đảm trách:

- Khu vực ăn trưa
- Bảo trì sân trường chung
- Chăm sóc sân trường
- Dọn phòng vệ sinh

Nhà vệ sinh thường xuyên được kiểm tra trong ngày để đảm bảo mức độ sạch sẽ và dọn dẹp nếu cần. Nhân viên giám hộ ban đêm đảm trách:

- Dọn dẹp phòng học
- Dọn dẹp khu vực văn phòng
- Dọn phòng vệ sinh

Các hiệu trưởng thường xuyên trao đổi với Giám sát viên Vận hành và Bảo trì cùng nhân viên giám hộ về các vấn đề bảo trì và an toàn của trường.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất

12.11.2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
<b>Nội thất:</b> Bề mặt nội thất	X			
<b>Độ sạch sẽ:</b> Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Nhà vệ sinh/Bồn rửa:</b> Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
<b>An toàn:</b> An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
<b>Kết cấu:</b> Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			
<b>Ngoại thất:</b> Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			

## Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
X			

## B. Kết quả học tập của học sinh

### Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

#### Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

#### Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

### Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Ngữ văn Anh/Đọc viết</b> (lớp 3-8 và 11)	46	45	58	57	46	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và 11)	41	39	51	51	34	35

### Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.



(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	659	642	97.42	2.58	44.55
Nữ	340	331	97.35	2.65	51.06
Nam	318	310	97.48	2.52	37.42
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	164	160	97.56	2.44	75.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	394	383	97.21	2.79	30.55
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	28	27	96.43	3.57	74.07
Người Da Trắng	62	61	98.39	1.61	40.98
Người Học Tiếng Anh	178	166	93.26	6.74	1.81
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	92	90	97.83	2.17	34.44
Quân đội	43	42	97.67	2.33	52.38
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	534	522	97.75	2.25	38.51
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	98	93	94.90	5.10	7.53

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
---------------------------	--------------------------------	---------------------------------	--	---	---

Tất cả học sinh	659	651	98.79	1.21	38.56
Nữ	340	336	98.82	1.18	39.29
Nam	318	314	98.74	1.26	37.90
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	164	163	99.39	0.61	75.46
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	394	388	98.48	1.52	21.39
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	28	27	96.43	3.57	66.67
Người Da Trắng	62	62	100.00	0.00	37.10
Người Học Tiếng Anh	178	174	97.75	2.25	5.75
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	92	91	98.91	1.09	28.57
Quân đội	43	42	97.67	2.33	50.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	534	529	99.06	0.94	32.33
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	98	94	95.92	4.08	6.38

## Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Khoa Học</b> (lớp 5, 8 và trung học)	28.92	28.57	43.94	42.20	30.29	30.73

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	218	211	96.79	3.21	28.44
Nữ	123	121	98.37	1.63	28.10
Nam	94	89	94.68	5.32	29.21
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	63	61	96.83	3.17	52.46
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	120	118	98.33	1.67	13.56
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	11	10	90.91	9.09	--
Người Da Trắng	19	18	94.74	5.26	27.78
Người Học Tiếng Anh	35	33	94.29	5.71	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	32	32	100.00	0.00	15.63
Quân đội	28	27	96.43	3.57	25.93
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	173	170	98.27	1.73	22.35
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	26	21	80.77	19.23	0.00

### B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

## Kết Quả Bài Kiểm Tra Thử Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiểu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 7	98.6%	98.1%	91.0%	98.1%	98.1%

### C. Mức độ gắn kết

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Nhà trường khuyến khích phụ huynh tham gia vào trải nghiệm học tập của con em mình thông qua việc tình nguyện trong lớp học, tham gia vào quy trình đưa ra quyết định và tham dự các sự kiện của nhà trường. Vista luôn khuyến khích và bồi đắp cho mối quan hệ đối tác với phụ huynh, học sinh, giáo viên và bộ phận quản trị. Ban quản trị nhà trường có chính sách mở cửa với phụ huynh của các chú Chim ưng, cho các bên cùng hợp tác để đảm bảo mang đến môi trường học tập tốt nhất cho mỗi học sinh, đồng thời đáp ứng nhu cầu xã hội và tình cảm của các em.

Phụ huynh nắm được thông tin về sự kiện và hoạt động sắp diễn ra qua email, tờ rơi, thư, bản tin, họp phụ huynh, báo cáo tiến bộ, bảng quảng cáo của trường, trang mạng của trường, cũng như hệ thống liên lạc tự động (gửi thông tin đến phụ huynh qua tin nhắn văn bản, điện thoại và email). Hệ thống Công thông tin cho Phụ huynh Aeries cho phép học sinh và phụ huynh tìm thông tin về các bài tập trước đây và sắp tới, điểm chuyên cần và điểm số. Để biết thêm thông tin về cách tham gia vào môi trường học tập của con em quý vị, vui lòng liên hệ bất kỳ nhân viên văn phòng nào của trường theo số (714) 842-0626.

#### Cơ hội Tình nguyện

- Đi kèm Chuyến tham quan
- Người hỗ trợ trong Lớp học
- Hoạt động Gây quỹ
- Người hỗ trợ trong Thư viện
- Người hỗ trợ trong Văn phòng

#### Ủy ban (qua Zoom hoặc trực tiếp)

- Hội đồng Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELAC)
- Tổ chức Phụ huynh Giáo viên Học sinh (PTSO)
- Hội đồng Cơ sở Trường học (SSC)

#### Hoạt động của Nhà trường

- Đêm Tựu trường
- Ngày hội thông tin
- Sự kiện Gắn kết Phụ huynh
- Hoạt động PRIDE
- Hoạt động Hội Sinh viên Liên kết (ASB)
- Các buổi biểu diễn của Học sinh
- Họp Vinh danh Học sinh
- Họp kết thúc năm học
- Họp Điều I Hằng năm
- Họp Phụ huynh về Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm tại Địa phương (LCAP)
- Cà phê với Hiệu trưởng
- Họp Giải thưởng Hằng tháng PBIS
-

## C. Mức độ gắn kết

## Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5)

- Tỷ lệ bỏ học bậc Trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Nghỉ học triển miên

### Tỷ lệ bỏ học và Tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Chỉ số	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Tỷ lệ bỏ học							7.8	8.2	8.9
Tỷ lệ tốt nghiệp							87.0	86.2	86.4

### Tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Bảng này hiển thị tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm học sinh	Số lượng học sinh trong nhóm	Số lượng tốt nghiệp trong nhóm	Nhóm Tỷ lệ tốt nghiệp
Tất cả học sinh	0.0	0.0	0.0
Nữ	0.0	0.0	0.0
Nam	0.0	0.0	0.0
Phi nhị giới	0.0	0.0	0.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.0	0.0	0.0
Người gốc Á	0.0	0.0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.0	0.0	0.0
Người gốc Philippines	0.0	0.0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.0	0.0	0.0
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.0	0.0	0.0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.0	0.0	0.0
Người Da Trắng	0.0	0.0	0.0
Người Học Tiếng Anh	0.0	0.0	0.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.0	0.0	0.0
Học sinh vô gia cư	0.0	0.0	0.0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	0.0	0.0	0.0
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.0	0.0	0.0

Học sinh khuyết tật	0.0	0.0	0.0
---------------------	-----	-----	-----

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	685	679	100	14.7
Nữ	354	350	48	13.7
Nam	330	328	52	15.9
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	169	168	8	4.8
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	414	410	75	18.3
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	23	23	1	4.3
Người Da Trắng	64	63	15	23.8
Người Học Tiếng Anh	211	208	43	20.7
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	108	107	23	21.5
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	563	558	91	16.3
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	110	107	32	29.9

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### C. Mức độ gắn kết

### Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	7.12	5.4	4.09	1.69	1.98	1.32	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	4.09	0.00
Nữ	3.67	0.00
Nam	4.55	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	2.37	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.00	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	5.56	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	1.56	0.00
Người Học Tiếng Anh	7.11	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	4.63	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	4.09	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	3.64	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Kế hoạch An toàn Toàn diện của Nhà trường được phát triển cho Vista View Middle School (Trường Trung học Cơ sở Vista View) dưới sự cộng tác với Hội đồng Cơ sở Trường học, các cơ quan địa phương, văn phòng Học khu để đáp ứng yêu cầu của Dự luật Thượng viện 187.

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Thông tin từ Khảo sát Không khí Nhà trường, Khảo sát sự Tham gia của Phụ huynh cũng được dùng khi lập kế hoạch. Kế hoạch này có những cấu phần bắt buộc như quy trình báo cáo lạm dụng trẻ em, quy trình cho giáo viên thông báo về trẻ nguy hiểm, ứng phó thảm họa, quy trình đến trường và tan trường an toàn, chính sách về quấy rối tình dục, bắt nạt, kỷ luật tích cực và yêu cầu trang phục. Kế hoạch an toàn gần đây nhất của nhà trường được tái xét, cập nhật và thảo luận qua mạng với nhân viên vào tháng Tám và trong buổi họp trực tiếp vào tháng Chín năm 2024. Hội đồng Cơ sở Trường học đã phê duyệt kế hoạch an toàn này vào ngày 10 tháng Chín năm 2024.

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bổ quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2020-21. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	20	11	6	4
Toán	19	10	6	2
Khoa Học	25	6	5	3
Khoa Học Xã Hội	27	3	6	3

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bổ quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	25	6	4	5
Toán	26	3	6	5
Khoa Học	27	3	8	4
Khoa Học Xã Hội	25	4	6	5

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	22	8	9	4
Toán	25	5	6	6
Khoa Học	25	6	4	8
Khoa Học Xã Hội	25	4	9	4



## Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	0

## Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	1
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	1
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
Trường	5858.21	550.84	5307.37	83535
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	5954.03	\$107,054
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	-11.5	-24.7
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$96,325
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-68.0	-14.2

## Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Ngoài nguồn quỹ thuộc Phương thức Kiểm soát Tài trợ của Địa phương (LCFF), Ocean View School District (Học Khu Ocean View) nhận được tài trợ của tiểu bang và liên bang cho các chương trình đặc biệt, bao gồm:

Chương trình Liên bang  
Điều I/Điều II/Điều III/Điều IV

## Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Medi-Cal

Quỹ Giáo dục Đặc biệt

Chương trình Tiểu bang:

Xổ số

Hiệu quả của Nhà giáo

Trợ cấp Khẩn cấp Hồi phục Học tập

Trợ cấp Tùy ý

## Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$49,092	\$58,553
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$90,382	\$93,924
Mức lương giáo viên cao nhất	\$121,546	\$119,489
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$139,733	\$149,898
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$157,426	\$157,111
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	\$0	\$151,698
Lương giám đốc	\$297,000	\$270,432
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	35.14	31.93
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	5.25	5.62

## Phát triển Chuyên môn

Vào các ngày thứ Năm học nửa ngày, trọng tâm của nhà trường là nâng cao năng lực của giáo viên. Có phần dành riêng cho i-Ready và các buổi họp thường quy với mục tiêu cải thiện việc triển khai Can thiệp và Hỗ trợ Hành vi Tích cực (PBIS). Vào ngày 1 tháng Mười Một năm 2024, học sinh không đến trường và nhân viên tham gia vào buổi Thiết kế Phổ quát cho Học tập (UDL). Ngoài ra, nhà trường tổ chức nhiều buổi phát triển chuyên môn viết, dành riêng cho cả giáo viên giáo dục chung và giáo dục đặc biệt Anh văn (ELA) và toán. Nhóm Học tập Xã hội và Cảm xúc (SEL) Vista chủ động tham gia vào hai ngày phát triển chuyên môn và đóng góp vào việc thử nghiệm chương trình giảng dạy SEL được thiết kế đặc biệt cho trường trung học cơ sở trên toàn Học khu. Ngoài ra, Vista đào tạo liên tục về Hệ thống Hỗ trợ Đa tầng (MTSS) của OVSD và tích hợp Phát triển trình độ Anh ngữ (ELD) vào các sáng kiến đào tạo hiện có của chúng tôi.

Nhân viên Vista View đã tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn dưới đây:

Các phương pháp phục hồi

i-Ready

Chăm sóc Có hiểu biết khi xử lý Sang chấn

Kỹ năng viết trong mọi nội dung

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	1.0	3	3